

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HOÁ**

Bản án số: 32/2023/HS-ST
Ngày: 27/ 11/ 2023.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị H

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn T (Bí T đoàn thanh niên)

2. Bà Mai Thị T

- T ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Đình T - T ký TAND thành phố T H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Tạ Thị H - Kiểm sát viên.

Ngày 27/ 11/ 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 47/ 2023/ HSST ngày 03/ 11/ 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/ QĐXXST- HS ngày 13/ 11/ 2023 đối với bị cáo:

Vũ Đức L; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 15/10/1995, tại tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: KP. P Đ, phường Q T, thành phố S S, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 06/12; Con ông: Vũ Đức L; Con mẹ: Trịnh Thị C; Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 27/01/2016 Tòa án nhân dân huyện C L, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 09 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”. Đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/7/2016, chưa chấp hành phần bồi Tồng của bản án; Nhân thân: Ngày 18/3/2020 bị Công an phường Q C, thành phố S S xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Tạm giữ từ ngày 21/6/2023, chuyển tạm giam từ ngày 24/6/2023. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Thanh Hóa.

Bị hại:

1. Cháu Phạm Minh T, sinh năm 2014

- Người đại diện hợp pháp của cháu Phạm Minh T: Chị Lê Thị V, sinh năm 1988 (mẹ cháu T).

Cùng địa chỉ: Thôn 5, phường Q C, thành phố T H, tỉnh Thanh Hóa

2. Chị Ngô Thị N, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn M T, xã T , huyện T H, tỉnh Thanh Hóa;

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Lê Thị V, sinh năm 1988 (mẹ cháu T)

Địa chỉ: Thôn 5, phường Q C, thành phố T H, tỉnh Thanh Hóa

2. Anh Nguyễn Thế V, sinh năm 1989

Địa chỉ: 211 N Q, Khu phố L S, phường B S, thành phố S S, tỉnh Thanh Hóa;

3. Anh Nguyễn Thế Việt, sinh năm 1987
Địa chỉ: 211 N Q, Khu phố L S, phường B S, thành phố S S, tỉnh Thanh Hóa;

Tại phiên tòa có mặt bị cáo, vắng mặt bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Hành vi Cướp giật tài sản: Khoảng 07 giờ, ngày 10/6/2023, Vũ Đức L điều khiển xe mô tô Yamaha Taurus, BKS 36P6-2564 di chuyển từ thành phố S S lên thành phố Thanh Hóa. Khi đi qua nhà chị Lê Thị V, sinh năm 1988, địa chỉ phố 5, phường Q C, thành phố Thanh Hóa, L nhìn thấy cháu Phạm Minh T (sinh năm 2014, con chị T) đang cầm 01 chiếc điện thoại di động Sam sung A50 chơi điện tử ở cửa nhà, L nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại trên, nên dừng xe trước cửa, chìa khóa vẫn cầm ở ổ khóa điện mục đích nếu lấy được điện thoại sẽ nhanh chóng tẩu thoát, rồi đi bộ vào trong giả vờ hỏi cháu bé “bố cháu có nhà không” để xem trong nhà có người lớn ở nhà không, cháu T trả lời “bố cháu không có nhà”, L nói “cho chú mượn điện thoại gọi điện cho bố cháu về”, cháu T đưa điện thoại cho L, cầm được điện thoại trên tay, L nhanh chóng chạy ra nơi để xe, nổ máy, tăng ga bỏ chạy về phía thành phố S S. Sau đó đến cửa hàng mua bán điện thoại “A H Store” bán với giá 1.200.000 đồng, số tiền này L đã tiêu sài cá nhân hết.

Kết luận định giá tài sản xác định: Chiếc điện thoại di động trị giá 1.000.000 đồng.

2. Hành vi trộm cắp tài sản: Khoảng 06 giờ, ngày 20/6/2023, Vũ Đức L một mình đi bộ lang thang trên các tuyến đường mục đích tìm kiếm sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi đi qua dãy nhà trọ số 66 H T, phố 2, phường Q , thành phố T H thấy cửa cổng chỉ khép không khóa nên L mở cửa đi vào. Sau khi quan sát thấy phòng trọ số 03 cửa khép không khóa. Trong phòng có chị Ngô Thị N (sinh năm 1990, trú tại thôn M T, xã T C, huyện T H đang nằm ngủ trên giường, bên cạnh để 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Zeno 8, màu vàng nên L đã đi lại và lấy chiếc điện thoại rồi nhanh chóng đi bộ ra đường tránh Quốc lộ 1A, bắt xe ôm đến cửa hàng mua bán điện thoại “A H Store” bán với giá 2.500.000 đồng, tiêu sài cá nhân hết.

Kết luận định giá tài sản xác định: Chiếc điện thoại di động trị giá 7.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Vũ Đức L thành khẩn khai báo, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Trong vụ án này còn có Nguyễn Thế V, Nguyễn Thế V là người đã mua lại 02 chiếc điện thoại do L chiếm đoạt. Quá trình điều tra xác định V, V, không biết được đó là tài sản do phạm tội mà có nên không xem xét xử lý.

Đối với chiếc xe mô tô Yamaha Taurus, BKS 36P6-2564 bị cáo Vũ Đức L đã dùng để thực hiện hành vi cướp giật tài sản của cháu T. Quá trình điều tra xác định,

chiếc xe là của anh Vũ Đức T, khi mượn xe anh T không biết L dùng vào việc phạm tội. Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe cho anh Tuấn là đúng quy định.

Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ:

- 01 chiếc điện thoại di động Sam sung A50 màu xanh đen;
- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Zeno 8, màu vàng;
- 01 chiếc xe mô tô Yamaha Taurus, BKS 36P6-2564.

Cơ quan Điều tra đã trả lại các tài sản trên cho chị Lê Thị V, chị Ngô Thị N và anh Vũ Đức T, là chủ sở hữu hợp pháp theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, nên không yêu cầu gì thêm về phần dân sự.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, anh Nguyễn Thế V không yêu cầu bồi Tồng dân sự. Anh Nguyễn Thế V yêu cầu bị cáo bồi Tồng số tiền 1.200.000 đồng đã mua lại chiếc điện thoại.

Tại bản cáo trạng số 319/CTr -VKS ngày 05/9/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T H, đã truy tố bị cáo Vũ Đức L về tội “ Trộm cắp tài sản”, theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự và tội “ Cướp giật tài sản”, theo Điểm g Khoản 2 Điều 171 của bộ luật hình sự (Với tình tiết định khung “ Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi....”.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng và đề nghị HĐXX:

Áp dụng:

Điểm g Khoản 2 Điều 171; Khoản 1 Điều 173; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật hình sự.

Mức hình phạt đại diện VKS đề nghị HĐXX áp dụng:

Từ 03 năm 03 tháng đến 04 năm tù, đối với tội “ Cướp giật tài sản” và từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng, đối với tội “ Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt của 02 tội từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm 06 tháng tù.

Về phần dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự, nên công nhận phần dân sự đối với bị hại đã được giải quyết xong.

Anh Nguyễn Thế V không yêu cầu bồi Tồng dân sự, đây là sự tự nguyện của anh, nên công nhận không xem xét.

Anh Nguyễn Thế V yêu cầu bị cáo bồi Tồng số tiền 1.200.000 đồng đã mua lại chiếc điện thoại do bị cáo chiếm đoạt của bị hại. Xét yêu cầu Anh Nguyễn Thế V là hoàn toàn chính đáng và phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự, nên chấp nhận.

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điểm a, c Khoản 1 Điều 23 NQ 326/2016/UBTVQH14.

Bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên:*

Quá trình điều tra, truy tố Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi quyết định của người tiến hành tố tụng.

[2] *Về hành vi phạm tội:*

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Do cần tiền để chi tiêu cá nhân, nên bị cáo đã điều khiển xe mô tô đi lượn trên các tuyến đường tìm sơ hở để chiếm đoạt tài sản của người khác. Đến khoảng 07 giờ, ngày 10/6/2023, do nhìn thấy cháu T đang ngồi chơi điện thoại ở cửa nhà, nên bị cáo dùng xe trước cửa nhà đi vào phía trong cửa nhà, nơi cháu T đang ngồi, mục đích để chiếm đoạt chiếc điện thoại của cháu T. Nhưng do khoảng cách từ nơi cháu T ngồi ra đến nơi bị cáo để xe có khoảng cách tương đối xa khoảng 7 – 10 m, nếu bị cáo thực hiện hành vi giật lấy chiếc điện thoại ngay thì cháu T sẽ hô la và bị cáo sẽ bị bắt vì không chạy kịp ra xe để chạy thoát. Do đó bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để tiếp cận tài sản là chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung A50 trị giá 1.000.000đ của cháu Phạm Minh T bằng cách bị cáo giả vờ hỏi bố cháu có nhà không (vì giữa bị cáo với gia đình bị hại không quen biết nhau) thì cháu T trả lời “ Bố cháu không có nhà”, lúc này bị cáo đoán không có người lớn trong nhà, nên bị cáo lại tiếp tục dùng thủ đoạn giả vờ mượn điện thoại để cháu T đưa cho bị cáo. Ngay sau khi cầm được điện thoại trên tay bị cáo chạy ra xe tăng ga bỏ chạy, mặc cho cháu T chạy theo kêu la và hỏi: “Sao chú lại lấy điện thoại của mẹ cháu”. Tiếp đó, vào khoảng 06 giờ, ngày 20/6/2023, bị cáo lợi dụng sơ hở, lén lút vào phòng trọ của chị Ngô Thị N chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Zeno 8, màu vàng trị giá 7.000.000 đồng.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi nêu trên của bị cáo đủ dấu hiệu cấu thành tội “ Cướp giật tài sản ” theo quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự , với tình tiết định khung “ Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi....” và tội “ Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Vì vậy VKSND thành phố T H truy tố bị cáo Vũ Đức L về tội “Cướp giật tài sản ” theo quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự và tội “ Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] *Đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:*

Bị cáo có nhân thân xấu, bản thân đã từng bị xét xử và xử phạt hành chính về hành vi vi phạm pháp luật. Nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để phấn đấu trở thành người lương thiện mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Trong vụ án này, bị cáo chiếm đoạt tài sản một cách công khai, táo bạo và liều lĩnh. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an trong xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân và đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, nên cần xử lý nghiêm.

[4] *Đánh giá về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS của bị cáo:*

Về tình tiết tăng nặng: Trong vụ án này bị cáo phạm tội khi chưa được xóa án tích của bản án số 07/2016 ngày 27/01/2016 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn là thuộc trường hợp “ Tái phạm”. Nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo. Nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] *Về hình phạt:*

Căn cứ vào nhân thân và tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì cần cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian, mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và có tính chất phòng ngừa chung.

Trong vụ án này bị cáo phạm 02 tội. Do đó cần áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt.

[6] *Về trách nhiệm dân sự:*

Bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự, nên công nhận phần dân sự đối với bị hại đã được giải quyết xong.

Anh Nguyễn Thế V không yêu cầu bồi thường dân sự, đây là sự tự nguyện của anh, nên công nhận không xem xét.

Anh Nguyễn Thế V yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 1.200.000 đồng đã mua lại chiếc điện thoại do bị cáo chiếm đoạt của bị hại. Xét yêu cầu Anh Nguyễn Thế V là hoàn toàn chính đáng và phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự, nên chấp nhận.

[7] *Về án phí:* Bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điểm a, c Khoản 1 Điều 23 NQ 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điểm g Khoản 2 Điều 171; Khoản 1 Điều 173; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 38 ; Điều 55 của Bộ luật hình sự.

Khoản 2 Điều 136; Khoản 1, 4 Điều 331; Khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điểm a, c Khoản 1 Điều 23 NQ 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Đức L phạm tội “ Trộm cắp tài sản” và phạm tội “ Cướp giật tài sản”.

Xử phạt Vũ Đức L: 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “ Cướp giật tài sản”. Tổng hợp hình phạt của hai tội là 04 năm 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/ 6/ 2023 (ngày tạm giữ).

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự, nên công nhận phần dân sự đối với bị hại đã được giải quyết xong.

Anh Nguyễn Thế Vinh không yêu cầu bồi Tồng dân sự, nên không xem xét.

Buộc bị cáo phải trả lại cho anh Nguyễn Thế Việt số tiền anh Nguyễn Thế V mua chiếc điện thoại do bị cáo chiếm đoạt là 1.200.000đ (Một triệu hai trăm ngàn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bị cáo không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu thêm lãi suất đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người được thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án, yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại Điều 7; 7a , 7b và Điều 9 luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- Cơ quan CSĐT Công an TP. T H;
- Chi cục THADS TP. Thanh Hóa;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo; Bị hại; người có qlnvq;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND TP. Thanh Hóa.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lê Thị Hương

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- Cơ quan CSĐT Công an TP. Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP. Thanh Hóa;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo; Bị hại, người có qlnvq;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND TP. Thanh Hóa.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hương

